TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 198/2018/QĐST-HNGĐ	*Ô Môn, ngày 18 tháng 10 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Lê Thành T****, sinh ngày 05/7/1991.

Địa chỉ: Khu vực Thới H**, phường Phước Th**, quận Ô M**, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Nhật H***, sinh ngày 19/10/1995.

Địa chỉ: Khu vực Thới H**, phường Phước Th**, quận Ô M**, thành phố Cần Thơ.

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 56, 57, 58, 59, 81, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Thành T** và chị Trần Thị Nhật H*.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Thành T** và chị Trần Thị Nhật H* thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh T** và H* thống nhất có một người con chung là Lê Nhật Kim A**, sinh ngày 02/7/2012 (nữ). Anh T** và chị H* thống nhất giao

con chung là Lê Nhật Kim A** cho anh T** trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị H* không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H* có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị H* thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T** và chị H* thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T** và chị H* khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết vụ án khác.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T** và chị H* thống nhất anh T** tự nguyện chịu án phí của anh và chị H* số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh T** đã nộp theo biên lai thu số 002026 ngày 05/7/2018, anh T** được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Ô Môn;
- UBND P. An Lạc,
quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Oanh